SyncMaster S19A450BW/S19A450BR/S19A450MW/S19A450MR/S19A450SW/
S22A450BW/S22A450MW/S22A450SW/S24A450B/S24A450BW/
S24A450M/S24A450MW/S24A450S/S24A450SW

Màn hình

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến năng suất sản phẩm, các đặc tính có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

SAMSUNG

Mục lục

CÁC LƯU Ý AN TOÀN CHÍNH

LẮP ĐẶT SẢN PHẨM

SỬ DỤNG SẢN PHẨM

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

THÔNG TIN BỔ SUNG

1 Các lưu ý an toàn chính

1-1 Trước khi bắt đầu

Các biểu tượng được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
	Lưu ý	Chỉ ra những trường hợp chức năng không hoạt động hoặc thiết lập được hủy bỏ.
	Lưu ý	Chỉ ra một gợi ý hoặc mẹo để sử dụng một chức năng.

Sử dụng tài liệu hướng dẫn này

- Bạn nên hiểu đầy đủ về các lưu ý an toàn trước khi sử dụng sản phẩm này.
- Nếu gặp sự cố, vui lòng tham khảo mục “giải quyết sự cố”.

Thông báo về bản quyền

Để cải tiến năng suất sản phẩm, nội dung trong tài liệu hướng dẫn này có thể sẽ được thay đổi mà không cần báo trước.

Logo SAMSUNG và SyncMaster là các thương hiệu đã đăng ký của công ty TNHH điện tử Samsung.

Microsoft, Windows và Windows NT là các thương hiệu đã đăng ký của tập đoàn Microsoft.

VESA, DPM và DDC là các thương hiệu đã đăng ký của hiệp hội tiêu chuẩn điện tử Video (VESA).

Logo ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (USEPA).

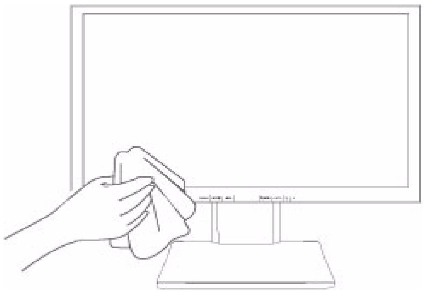
Tất cả các thương hiệu khác được nêu trong tài liệu hướng dẫn này thuộc về các công ty tương ứng.

1-2 Bảo dưỡng và bảo trì

Bảo trì bề mặt ngoài và màn hình

Lau sản phẩm bằng khăn mềm khô.

- Không lau sản phẩm bằng các chất dễ cháy như benzen hoặc dung môi hoặc với khăn ướt. Điều này có thể gây hư hỏng sản phẩm.
- Không cào xước màn hình bằng móng tay hoặc vật sắc nhọn. Điều này có thể gây trầy xước hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Không lau sản phẩm bằng cách phun nước trực tiếp lên sản phẩm.
  Nếu nước chảy vào trong sản phẩm, có thể gây hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.
- Nếu sử dụng máy tạo độ ẩm dùng siêu âm, một vết mờ trắng có thể xuất hiện trên bề mặt của mẫu sản phẩm có độ bóng loáng cao do đặc tính vốn có của vật liệu.



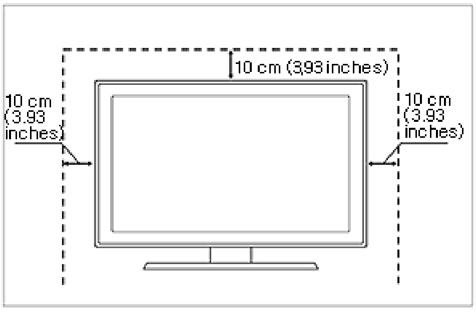
Hình dáng và màu sắc của sản phẩm có thể thay đổi tùy theo mẫu.

Bảo đảm Không gian lắp đặt

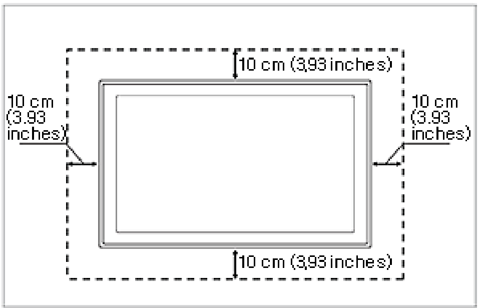
- Giữ khoảng cách cần thiết giữa sản phẩm và các vật khác vd : tường để đảm bảo thông gió hợp lý
  Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm do nhiệt độ bên trong tăng.
  Lắp đặt sản phẩm sao cho có khoảng cách cần thiết như hình vẽ.

Hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.

Khi lắp đặt sản phẩm cùng với chân đế



Khi lắp đặt sản phẩm với một giá treo tường



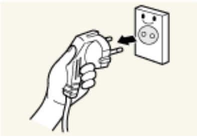
Về hiện tượng lưu ảnh

- Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình. Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.
- Do những ràng buộc kỹ thuật của nhà sản xuất tấm panel, hình ảnh của sản phẩm có thể sáng hơn hoặc tối hơn bình thường khoảng 1 ppm (1 phần triệu) điểm ảnh.
  Số lượng điểm ảnh phụ theo loại panel: Số Sub-Pixels = độ phân giải ngang tối đa x độ phân giải dọc tối đa x 3
  Ví dụ) Nếu độ phân giải tối đa là 1920 x 1080, số sub-pixels là 1920 x 1080 x 3 = 6.220.800.

1-3 Vệ sinh màn hình

Vệ sinh màn hình

- Panen và mặt ngoài của màn hình có tính năng vượt trội này dễ bị xước và bạn cần phải cẩn thận khi vệ sinh máy. Vệ sinh màn hình theo các bước sau:



1. Tắt nguồn màn hình và PC.
2. Rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

> Để tránh giật điện, hãy chắc chắn là bạn rút cáp nguồn ra khỏi màn hình bằng cách giữ chặt phích cắm và không sờ vào cáp khi tay bị ướt.

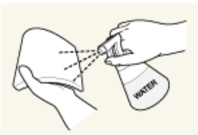


3. Lau màn hình bằng cách dùng mảnh vải mềm ẩm đã được vắt kiệt nước.

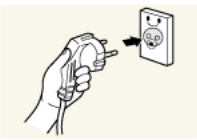




- Không được sử dụng chất tẩy có chứa cồn hoặc dung môi hoặc có hoạt tính bề mặt.
  Nếu không thì mặt ngoài của màn hình có thể mất màu hoặc bị nứt hoặc lớp mạ của panen có thể bị bong ra.
- Không xịt nước hoặc chất tẩy rửa trực tiếp lên màn hình.
  Nếu không, chất lỏng có thể ngấm vào màn hình và gây cháy, giật điện hoặc hỏng hóc.



4. Sử dụng miếng vải mềm có thấm ít nước để lau sạch mặt ngoài của màn hình



5. Kết nối cáp nguồn với màn hình sau khi bạn vệ sinh màn hình xong.
6. Bật nguồn màn hình và PC.

Lưu ý về việc cất giữ sản phẩm

- Sử dụng máy tạo độ ẩm siêu âm có thể tạo ra vết màu trắng trên sản phẩm có độ bóng cao.

> Hãy chắc chắn là bạn liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất (dịch vụ trả tiền) để họ giúp bạn vệ sinh bên trong màn hình.

1-4 Các lưu ý an toàn

Các biểu tượng lưu ý an toàn

BIỂU TƯỢNG	TÊN	Ý NGHĨA
⚠	Cảnh báo	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong.
⚠	Lưu ý	Việc bỏ qua các lưu ý được đánh dấu ký hiệu này có thể gây ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.

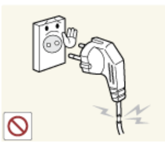
Ý nghĩa các dấu hiệu

Không được thực hiện.	Phải tuân thủ.
Không được tháo rời.	Phích cắm phải rút ra khỏi ổ cắm trên tường.
Không được chạm vào.	Luôn nối tiếp đất để tránh chập điện.

Về nguồn điện

Hình ảnh sản phẩm được sử dụng trong các ảnh sau để bạn tham khảo trông có thể khác sản phẩm thật.

Cảnh báo



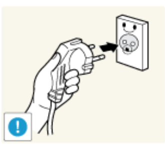
Tránh sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm hư hỏng, ổ điện lỏng hoặc hư hỏng.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh cắm và rút dây điện bằng tay ẩm ướt.

- Nếu không, có thể gây chập điện.



Hãy chắc chắn rằng đã kết nối dây nguồn với ổ cắm trên tường được nối đất (cách điện chỉ dùng cho sản phẩm loại 1).

- Nếu không, có thể gây ra điện giật hoặc thương tích.



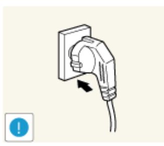
Tránh để dây nguồn và sản phẩm cạnh bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh sử dụng chung nhiều thiết bị điện trên cùng một ổ cắm điện trên tường.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn do ổ cắm trên tường quá nóng.



Gắn phích cắm vào ổ điện một cách chắc chắn.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Tránh uốn hoặc xoắn dây nguồn quá mức và tránh để vật nặng đè lên dây nguồn.

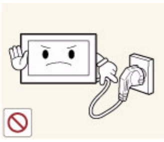
- Nếu không, có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn do dây nguồn bị phá hủy.



Nếu chân ghim của phích cắm hoặc ổ cắm trên tường bị bụi đóng kín, hãy làm sạch bằng một miếng khăn khô.

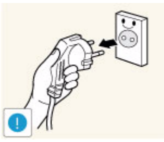
- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.

Lưu ý



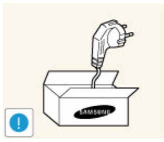
Tránh rút phích cắm khi sản phẩm đang hoạt động.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm do chập điện.



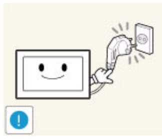
Khi rút phích cắm khỏi ổ cắm trên tường, luôn giữ đầu phích cắm để rút ra và tránh nắm dây để rút.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Chắc chắn rằng bạn chỉ sử dụng dây nguồn đi kèm chính hãng. Ngoài ra, không sử dụng dây nguồn của thiết bị điện khác.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Cắm phích cắm vào ổ cắm trên tường mà bạn dễ dàng với tới.

- Khi sản phẩm bị hư hỏng, bạn phải rút phích cắm ra để cắt điện hoàn toàn. Bạn không thể cắt nguồn điện hoàn toàn chỉ bằng cách nhấn nút nguồn trên sản phẩm.

Về lắp đặt

Cảnh báo



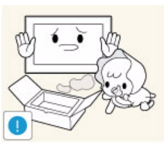
Tránh để nến cháy, thuốc xịt muỗi hoặc thuốc lá trên sản phẩm và đặt sản phẩm gần bếp lò.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



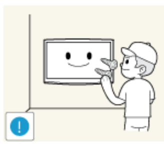
Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi kém thông thoáng, ví dụ như trong kệ sách hoặc tủ.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



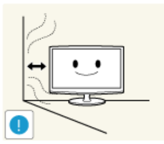
Để các túi nhựa dùng đóng gói sản phẩm tránh xa trẻ em.

- Nếu trẻ em để túi nhựa trùm vào đầu, các em có thể bị ngạt.



Yêu cầu kỹ sư lắp đặt hoặc công ty chuyên ngành để lắp đặt sản phẩm lên tường.

- Nếu không, có thể gây ra thương tích.
- Hãy chắc chắn sử dụng đúng loại giá đỡ chuyên dùng để gắn tường.



Để sản phẩm cách tường ít nhất 10 cm để thông thoáng.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi không chắc chắn hoặc rung lắc quá mức, chẳng hạn như trên một kệ nghiêng hoặc không cố định.

- Sản phẩm có thể rơi xuống gây ra hư hỏng hoặc thương tích.
- Nếu bạn đặt sản phẩm ở nơi rung lắc quá mức, điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở vị trí dễ bắt bụi, ẩm ướt (nhà tắm hơi), dầu, khói hoặc nước (mưa rơi) và lắp đặt sản phẩm trong xe cộ.

- Điều này có thể gây ra chập điện hoặc hỏa hoạn.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi trẻ em dễ với tới.

- Nếu trẻ em chạm tay vào sản phẩm, sản phẩm có thể rơi xuống và gây ra thương tích.
- Do mặt trước của sản phẩm nặng hơn, hãy lắp đặt nó trên một bề mặt ổn định và phẳng.



Tránh lắp đặt sản phẩm ở nơi tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời hoặc gần một nguồn nhiệt như lửa hoặc bếp lò.

- Điều này có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

Lưu ý



Không để sản phẩm rớt xuống khi di chuyển.

- Điều này có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.



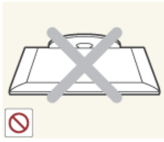
Khi lắp đặt trên tủ đựng tivi hoặc giá sách, hãy chắc chắn phần trước của sản phẩm không nhô ra khỏi tủ đựng tivi hoặc giá sách.

- Nếu không, có thể rơi xuống và gây ra hỏng hoặc thương tích.
- Luôn sử dụng một tủ hoặc giá sách phù hợp với kích thước của sản phẩm.



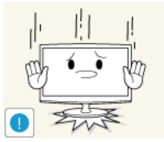
Nếu sản phẩm được lắp đặt ở vị trí mà các điều kiện vận hành thay đổi đáng kể, chất lượng có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do môi trường xung quanh. Trong trường hợp này, chỉ lắp đặt sản phẩm sau khi tham khảo với một trong số các kỹ sư dịch vụ của chúng tôi về vấn đề này.

- Những chỗ tiếp xúc với bụi cực nhỏ, hóa chất, nhiệt độ quá cao hoặc thấp, độ ẩm cao, chẳng hạn như ở sân bay hoặc nhà ga nơi sản phẩm được sử dụng liên tục trong một thời gian dài v.v...



Không đặt sản phẩm úp xuống sàn nhà.

- Điều này có thể làm hỏng tấm panel của sản phẩm.



Khi đặt sản phẩm xuống, hãy hạ nó một cách nhẹ nhàng.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Về cách sử dụng

Cảnh báo



Sản phẩm sử dụng điện áp cao, không bao giờ được tự ý tháo ráp, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.
- Nếu cần sửa chữa sản phẩm, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.



Nếu sản phẩm phát ra âm thanh lạ, có mùi khét, hoặc khói, lập tức rút phích cắm và liên hệ với trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



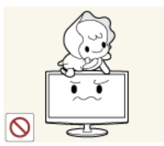
Khi để rơi sản phẩm hoặc vỡ vỏ, hãy tắt nguồn và rút phích dây nguồn. Hãy liên hệ trung tâm dịch vụ.

- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn hoặc chập điện.



Khi lau chùi sản phẩm, không được phun nước trực tiếp vào các bộ phận của sản phẩm.

- Luôn bảo đảm rằng nước không lọt vào trong sản phẩm.
- Nếu không, có thể gây ra hỏa hoạn, chập điện hoặc hư hỏng sản phẩm.



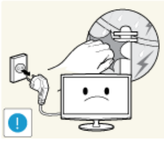
Tránh cho trẻ em treo sản phẩm lên hoặc trèo lên sản phẩm.

- Nếu không, sản phẩm có thể bị rơi xuống gây ra thương tích hoặc tử vong.



Tránh đặt các vật dụng như đồ chơi và bánh kẹo lên trên sản phẩm.

- Đề phòng trường hợp trẻ em đu bám vào sản phẩm để với lấy đồ chơi có thể làm sản phẩm rơi xuống gây ra thương tích hoặc thậm chí tử vong.



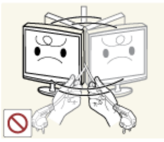
Khi xảy ra sấm sét, hãy rút dây nguồn và không chạm vào cáp ăng-ten bất kỳ lý do nào để tránh nguy hiểm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Tránh di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



Tránh nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách chỉ nắm dây nguồn hoặc dây tín hiệu.

- Nếu không, có thể gây ra chập điện, hỏa hoạn hoặc hư hỏng sản phẩm vì cáp hỏng.



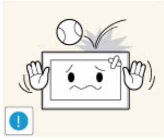
Chú ý không để khăn trải bàn hoặc rèm cửa làm bít lỗ thông gió.

- Nếu không, lượng nhiệt phát sinh bên trong có thể gây ra hỏa hoạn.



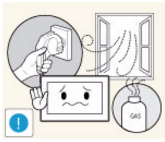
Tránh đặt các vật chứa chất lỏng như bình, chậu hoa, đồ uống, mỹ phẩm hoặc lọ thuốc, hoặc vật dụng kim loại trên sản phẩm.

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.



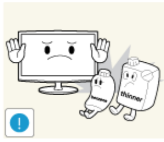
Tránh làm rơi bất kỳ vật nào lên sản phẩm hoặc va đập vào sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi rò rỉ khí, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm và thông gió ngay lập tức.

- Một tia lửa có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.
- Khi có sấm chớp hoặc giông tố, không chạm vào dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.



Tránh sử dụng hoặc đặt bình xịt hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

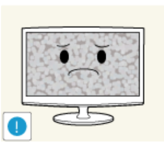
- Điều này có thể gây ra nổ hoặc hỏa hoạn.



Tránh đút các vật dụng kim loại như đũa, tiền đồng hoặc kẹp tóc, hoặc vật dễ cháy vào trong sản phẩm (lỗ thông gió, các cổng, .v.v...).

- Nếu có nước hoặc vật chất lạ lọt vào trong sản phẩm, hãy tắt nguồn điện, rút dây nguồn ra và liên hệ với trung tâm dịch vụ.
- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm, chập điện hoặc hỏa hoạn.

Lưu ý



Việc hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc vết mờ trên màn hình.

- Nếu không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy đặt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc bảo vệ màn hình.



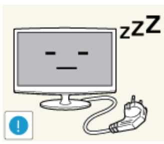
Đặt độ phân giải và tần số thích hợp cho sản phẩm.

- Nếu không, có thể làm mỏi mắt.



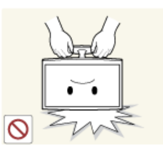
Không đặt bộ điều hợp trên một bộ điều hợp khác.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Khi không sử dụng sản phẩm một thời gian dài chẳng hạn như đi xa nhà, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.

- Nếu không, nó có thể bị đóng bụi và gây ra hỏa hoạn do quá nóng hoặc đoản mạch hoặc gây ra chập điện.



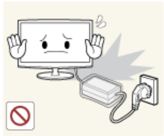
Tránh xoay úp mặt trên sản phẩm xuống hoặc chỉ cầm chân đế khi di chuyển sản phẩm.

- Điều này có thể làm rơi sản phẩm gây ra hư hỏng hoặc thương tích.



Giữ bộ điều hợp nguồn tránh xa mọi nguồn nhiệt.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



Tháo bao nhựa của bộ điều hợp trước khi sử dụng.

- Nếu không, việc này có thể gây hỏa hoạn.



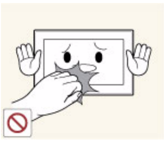
Cẩn thận không để bộ điều hợp tiếp xúc với nước và bởi vậy không bị ẩm ướt.

- Điều này có thể dẫn đến trục trặc thiết bị, điện giật hoặc hỏa hoạn. Không sử dụng bộ điều hợp trên bờ sông hoặc bên ngoài đặc biệt khi trời mưa hoặc có tuyết. Cẩn thận không để bộ điều hợp bị ướt trong khi lau sàn nhà bằng nước.



Tránh sử dụng máy giữ độ ẩm hoặc nồi cơm gần sản phẩm.

- Nếu không, việc này có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

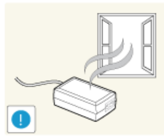


Không chạm vào sản phẩm vì tấm hiển thị sẽ nóng sau một thời gian dài hoạt động.

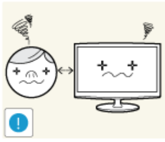


Hãy cẩn thận khi điều chỉnh góc sản phẩm hoặc chiều cao chân đế.

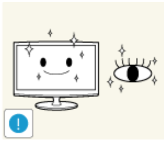
- Nếu để bàn tay hoặc ngón tay bị kẹt, bạn có thể bị thương.
- Nếu để sản phẩm nghiêng quá mức, nó có thể rơi xuống và gây ra thương tích.



Luôn đặt bộ điều hợp nguồn ở nơi thông thoáng tốt.



Nhìn vào sản phẩm liên tục ở khoảng cách quá gần có thể gây hại cho thị lực của bạn.



Điều quan trọng là hãy cho mắt của bạn được nghỉ ngơi (5 phút mỗi giờ) khi theo dõi màn hình quá lâu.

- Điều này giúp dịu cảm giác mỏi mắt.



Để các phụ kiện nhỏ tránh xa trẻ em.



Tránh đặt vật nặng lên trên sản phẩm.

- Nếu không, có thể gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích.

Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm



Giữ tư thế hợp lý khi sử dụng sản phẩm.

- Giữ lưng thẳng.
- Giữ khoảng cách 45~50 cm từ mắt đến màn hình. Nhìn xuống màn hình và ngửa mặt màn hình ra phía trước.
- Điều chỉnh góc sản phẩm sao cho ánh sáng không bị phản chiếu trên màn hình.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý và giữ cho cánh tay nằm ngang với phần sau của tay bạn.
- Giữ khuỷu tay của bạn tạo thành một góc vuông hợp lý.
- Đặt thẳng gót chân trên nền nhà trong khi giữ đầu gối tạo thành một góc 90 độ hoặc hơn và duy trì vị trí của cánh tay sao cho nó ở phía dưới trái tim của bạn.

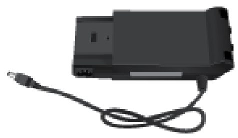
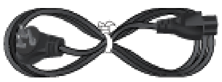
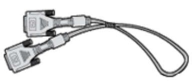
2 Lắp đặt sản phẩm

2-1 Phụ kiện trong hộp đựng

- Mở sản phẩm và kiểm tra xem tất cả các thành phần sau có được kèm theo.
- Giữ lại hộp đóng gói phòng trường hợp khi cần di chuyển sản phẩm sau này.



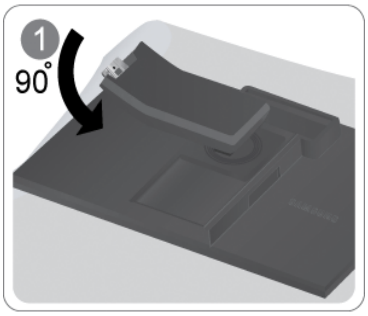
Màn hình

NỘI DUNG			
			
Sổ tay lắp đặt	Bảo hành sản phẩm (Chỉ có ở một số khu vực)	Tài liệu hướng dẫn sử dụng	Bộ biến điện DC
			
Dây điện nguồn	Ch©n Ľ/]		
TÙY CHỌN			
			
Cáp DVI	Cáp D-Sub	Cáp USB	Cáp stereo

Cáp được cung cấp có thể thay đổi tùy theo sản phẩm bạn mua.

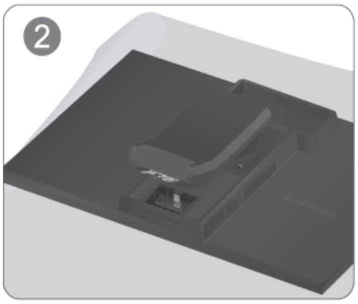
2-2 Lắp đặt chân đế

Trước khi lắp ráp sản phẩm, hãy tìm nơi bằng phẳng và vững chãi để đặt sản phẩm sao cho màn hình được úp xuống.

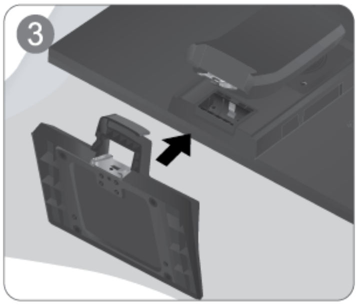


Lót một miếng khăn mềm trên bàn để bảo vệ sản phẩm và để sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.

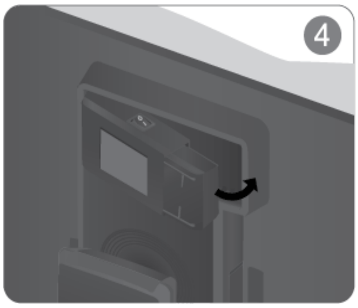
Làm theo mũi tên như hình vẽ để xoay thân đế



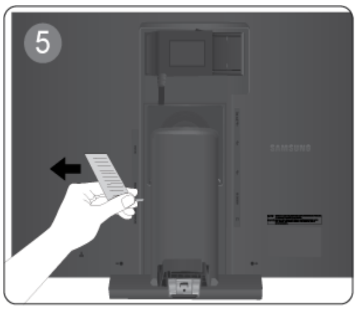
Kiểm tra xem thân đế đã xoay tới vị trí đúng như hình vẽ chưa.



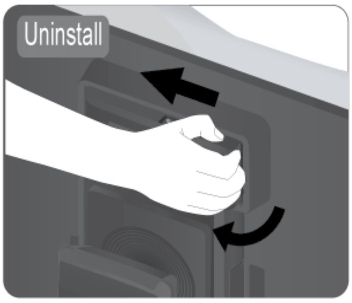
đẩy chân đế vào thân đế bằng cách làm theo mũi tên như hình vẽ, khi bạn nghe thấy âm thanh "lách cách" tức là bạn đã gắn chân đế đúng cách.



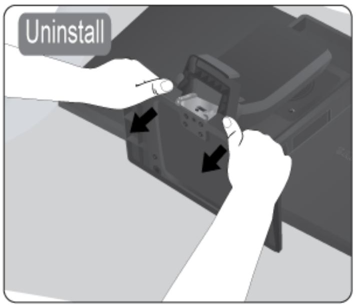
lắp đặt bộ điều hợp vào hốc trên vỏ sau của màn hình như hình vẽ.



Đặt bộ màn hình lên đế và tháo chốt ra.



Đẩy bộ điều hợp về phía trước rồi xoay theo mũi tên để tháo bộ điều hợp đó ra.



Giữ đế và các ngón tay cái ấn thân đế rồi kéo đế ra theo chiều mũi tên.



- Lưu ý

Tránh nâng nhấc sản phẩm lên bằng cách chỉ nắm chân đế.

Quá trình tháo theo hướng ngược lại với quá trình lắp đặt.

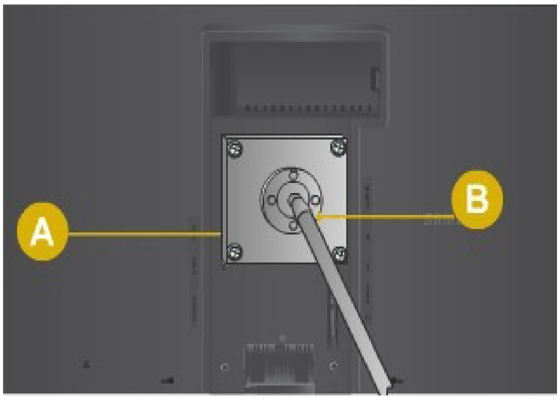


Khi xoay màn hình từ ngang sang dọc, trước tiên hãy nghiêng tối đa màn hình về phía sau.

A Bản chặn chân đế

2-3 Lắp đặt chân đế trên giá treo tường

Sản phẩm này được cung cấp kèm một giá treo kích thước 100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm(3,9 x 3,9 inch / 3,9 x 7,9 inch) theo các quy cách VESA.



Chân đế HAS

A Giá treo

B Chân đế (Tùy chọn)

1. Tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường.
2. Đặt một miếng lót hoặc khăn mềm trên bàn để bảo vệ tấm panel và đặt sản phẩm lên trên khăn sao cho mặt trước của sản phẩm úp xuống dưới.
3. Tháo chân đế.
4. Gióng thẳng khe trượt trên bộ phận của sản phẩm dùng để kết nối với khe trượt của chân đế (chân để bàn, chân giá treo tường hoặc chân đế khác) và xiết chặt đinh ốc để gắn cố định chân đế.

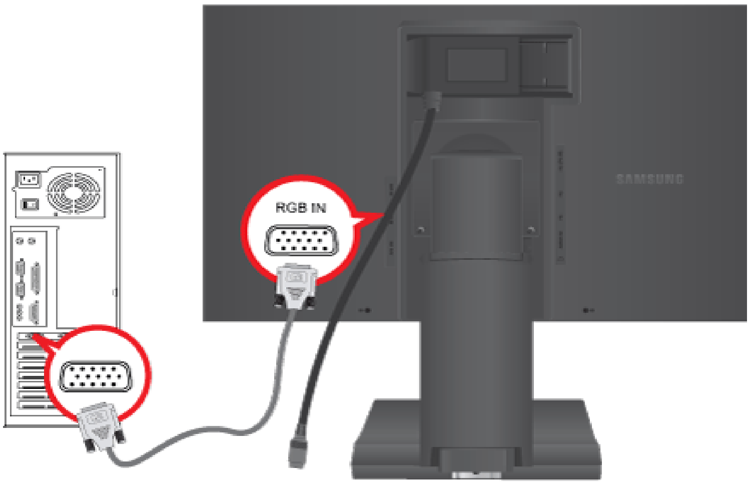
- Nếu bạn sử dụng loại đinh ốc dài hơn các quy cách tiêu chuẩn, phần trong của sản phẩm có thể bị hư hại.
- Với các giá treo tường không tương thích với các quy cách VESA, độ dài của đinh ốc có thể khác tùy theo quy cách tương ứng.
- Không sử dụng các loại đinh ốc không tương thích với các quy cách VESA và không dùng lực quá mạnh để bắt đinh ốc. Điều này có thể làm hư sản phẩm hoặc gây ra thương tích khi sản phẩm rơi xuống.
  Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại hoặc thương tích nào.
- Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng hoặc thương tích nào do sản phẩm gây ra bởi việc sử dụng chân đế không tương thích với các quy cách chỉ định hoặc việc lắp đặt không được thực hiện bởi kỹ sư lắp đặt được ủy quyền.
- Khi lắp đặt sản phẩm bằng giá treo tường, hãy mua giá treo có chừa khoảng cách với tường ít nhất 10 cm.
- Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hậu quả nào gây ra do sử dụng chân đế không tương thích với các quy cách chỉ định.
- Sử dụng giá treo tường theo các quy cách quốc tế.

2-4 Kết nối với máy PC

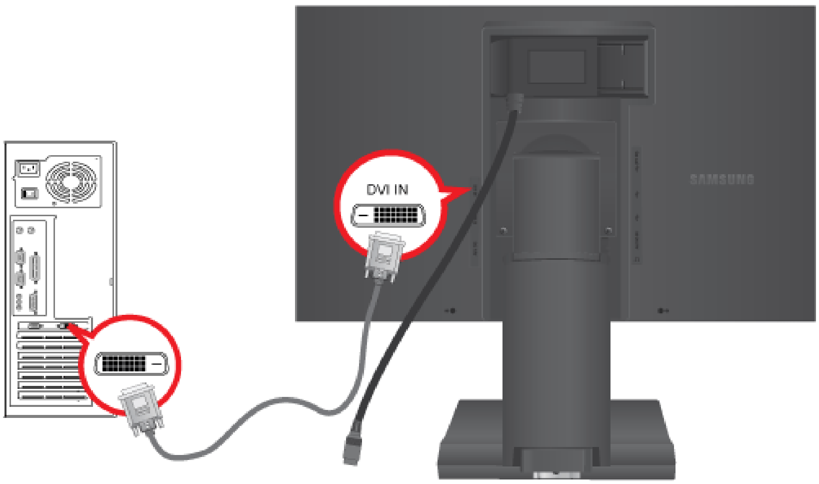
Phụ kiện kết nối có thể khác tùy thuộc vào mẫu sản phẩm.

1. Kết nối sản phẩm tới một máy PC tùy thuộc ngõ ra video được hỗ trợ bởi máy PC.

- Khi card màn hình cung cấp cổng D-Sub (<Analog>)
  - Kết nối cổng [RGB IN] trên sản phẩm vào cổng [D-Sub] trên máy PC bằng cáp D-Sub.



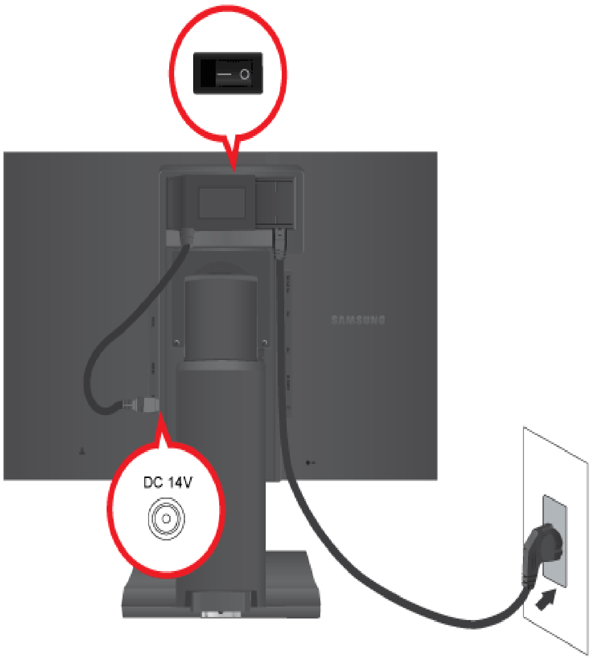
- Khi card màn hình cung cấp cổng DVI (<Digital>)
  - Kết nối cổng [DVI IN] trên sản phẩm vào cổng [DVI] trên máy PC bằng cáp DVI.



Cổng [DVI IN] chỉ được cung cấp cho các kiểu có cổng (DVI) kỹ thuật số chuyên dụng.

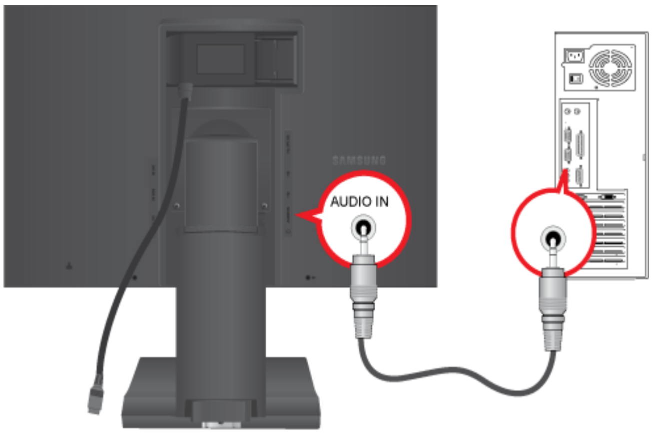
2. Kết nối bộ điều hợp nguồn với [DC 14VDC 12V] ở phía sau của sản phẩm. Kết nối dây nguồn với bộ điều hợp và ổ cắm trên tường.
(Điện áp vào được chuyển tự động.)
POWER ON [│] / OFF [O]

Nhấn nút bật/tắt nguồn.

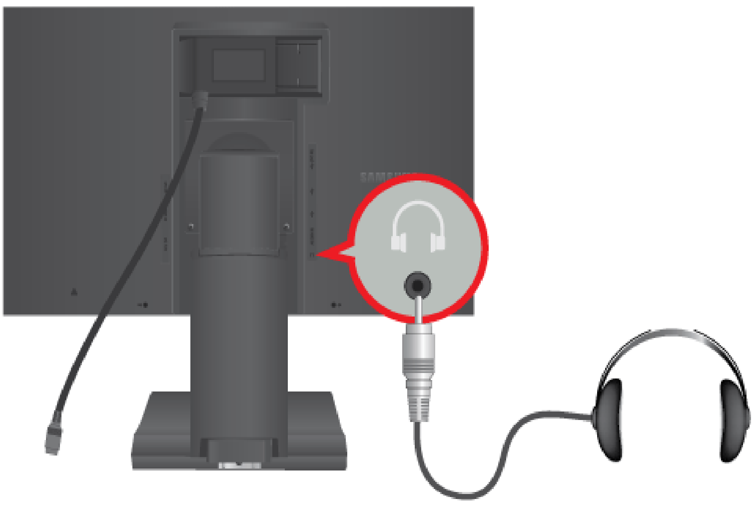


Khi sản phẩm được kết nối với một máy PC, bạn có thể mở nguồn sản phẩm và sử dụng nó.

3. Kết nối cổng [AUDIO IN] ở phía sau màn hình vào card âm thanh của máy PC.



Kết nối tai nghe của bạn vào đầu cắm tai nghe.



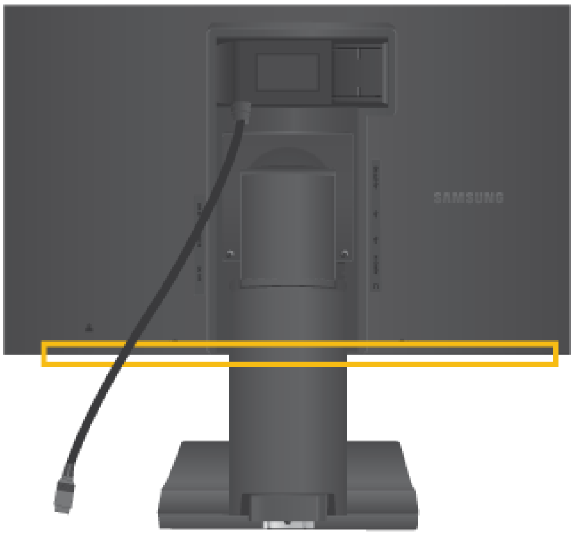
Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa

2-5 gắn cáp

Các cáp có thể được lắp như hình dưới đây.



2-6 Loa



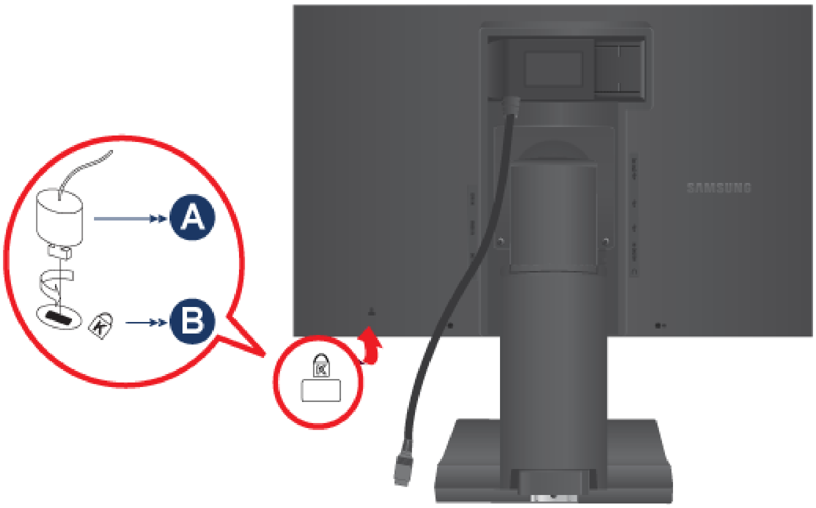
Bạn có thể nghe âm thanh bằng cách kết nối card âm thanh của máy PC với màn hình.

Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa

2-7 Khóa Kensington

Khóa Kensington là một sản phẩm chống trộm cho phép người dùng khóa sản phẩm để tạo sự an toàn khi sử dụng ở nơi công cộng. Hình dạng và cách dùng của thiết bị khóa có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu sản phẩm và nhà sản xuất. Để biết chi tiết hơn, tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm theo thiết bị khóa.

Bạn phải mua riêng khóa Kensington.



Để khóa sản phẩm hãy làm theo các bước sau:

1. Bọc cáp khóa Kensington quanh vật thể rộng và đứng im như một chiếc bàn hoặc ghế.
2. Trượt đầu cáp có khóa gắn vào đầu có móc của cáp khóa Kensington.
3. Đưa thiết bị khóa vào ổ khóa Kensington trên màn hình (B).
4. Khóa khóa (A).

- Đây là những hướng dẫn chung. Để biết hướng dẫn chính xác, hãy xem sách Hướng dẫn sử dụng cung cấp kèm theo sản phẩm khóa này.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa từ cửa hàng điện tử, cửa hàng trực tuyến, hoặc trung tâm dịch vụ của chúng tôi.

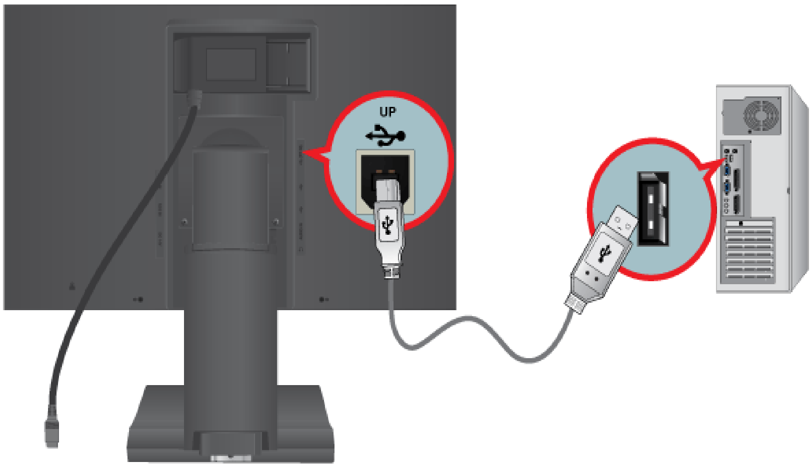
2-8 Kết nối USB

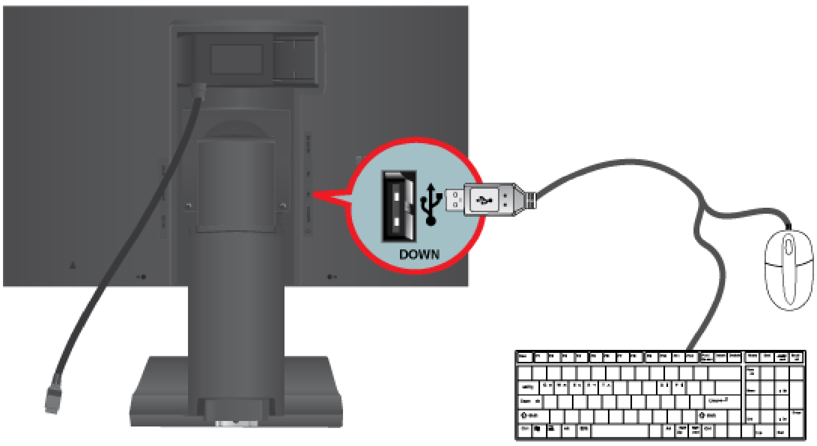
Chỉ áp dụng cho các kiểu có chân đế và cổng USB.

Bạn có thể dùng các thiết bị có cổng USB như chuột, bàn phím, thẻ nhớ Memory Stick hoặc ổ cứng rời bằng cách kết nối chúng vào cổng **DOWN** của màn hình mà không cần phải kết nối chúng vào máy PC.

Cổng USB của màn hình này hỗ trợ cổng USB Tọa độ cao 2.0.

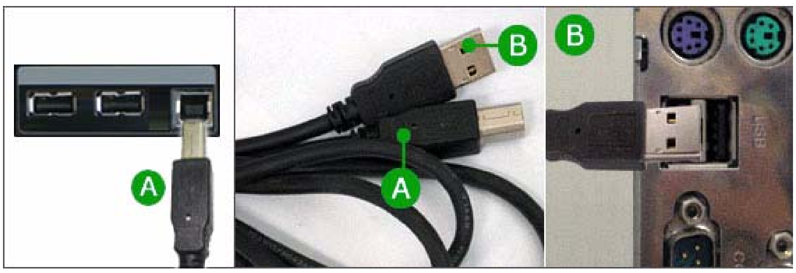
	Tọa độ cao	Tọa độ vừa	Tọa độ thấp
Tọa độ truyền dữ liệu	480 Mbps	12 Mbps	1.5 Mbps
Công suất tiêu thụ điện năng	2.5 W (Tối đa trên mỗi cổng)	2.5 W (Tối đa trên mỗi cổng)	2.5 W (Tối đa trên mỗi cổng)





1. Kết nối cổng **UP** của màn hình và của USB trên máy tính bằng cáp USB.

   - Để sử dụng cổng **DOWN** bạn phải nối **UP** (Cáp chiều lên) với PC.
   - Cần bảo đảm việc sử dụng cáp USB của màn hình để nối cổng **UP** của màn hình và cổng USB trên máy tính.



2. Kết nối cổng DOWN của USB của màn hình và thiết bị USB bằng cáp USB.
3. Quá trính sử dụng giống như khi dùng thiết bị ngoại vi để kết nối vào máy tính.
   - Bạn có thể kết nối và sử dụng chuột và bàn phím.
   - Bạn có thể phát một tập tin qua thiết bị media.
     (Các thiết bị media nhỏ: máy nghe nhạc MP3, máy quay phim kỹ thuật số v.v…)
   - Bạn có thể chạy, di chuyển, sao chép hoặc xóa các tập tin trên thiết bị lưu trữ.
     (Các thiết bị lưu trữ nhỏ: bộ nhớ ngoại vi, thẻ nhớ, đầu đọc thẻ nhớ, máy nghe nhạc MP3 loại HDD v.v…)
   - Bạn có thể dùng các thiết bị có cổng USB khác để kết nối vào máy tính.

- Khi kết nối thiết bị vào cổng **DOWN** của màn hình, hãy kết nối thiết bị vào màn hình bằng loại cáp thích hợp cho thiết bị đó.
- (Để mua cáp và các thiết bị ngoại vi, hãy hỏi trung tâm dịch vụ các sản phẩm tương ứng.)
- Công ty không chịu trách nhiệm với các sự cố hoặc hư hỏng đối với thiết bị ngoại vi do dùng cáp không được phép sử dụng để kết nối.
- Một số sản phẩm không tuân theo các tiêu chuẩn USB và có thể gây lỗi khi thiết bị hoạt động.
- Nếu có lỗi khi thiết bị hoạt động, ngay cả khi đã được kết nối vào máy tính, hãy liên hệ trung tâm dịch vụ thiết bị/máy tính.

3 Sử dụng sản phẩm

3-1 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Nếu mở nguồn điện ngay sau khi mua sản phẩm, một thông báo về thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện trên màn hình. Hãy chọn một ngôn ngữ và độ phân giải tối ưu.



▲/▼ : Bạn có thể chọn một ngôn ngữ bằng những nút sau.

MENU : Khi nhấn nút này, thông báo được tắt đi.

- Thông báo này sẽ xuất hiện tối đa 3 lần nếu độ phân giải chưa được cài đặt tối ưu.
- Thiết lập độ phân giải tối ưu
  - Khi máy PC đã tắt nguồn, kết nối sản phẩm với máy PC và mở nguồn điện.
  - Nhấn phải chuột trên Desktop và chọn 'Properties (Thuộc tính)' từ menu pop-up (menu sổ xuống).
  - Trong thẻ 'Settings (Thiết lập)', chọn độ phân giải về độ phân giải tối ưu.

3-2 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450BW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-3 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450BR

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-4 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450MW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-5 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450MR

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-6 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450SW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-7 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S19A450SR

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-8 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S22A450BW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-9 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S22A450MW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-10 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S22A450SW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-11 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450B

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-12 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450BW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1200	74,556	59,885	193,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-13 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450M

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-14 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450MW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1200	74,556	59,885	193,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-15 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450S

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-16 Bảng kiểu tín hiệu chuẩn

Sản phẩm này mang lại chất lượng hình ảnh tốt nhất khi xem với cài đặt độ phân giải tối ưu. Độ phân giải tối ưu phụ thuộc vào kích cỡ màn hình.

Vì vậy, chất lượng hình ảnh sẽ suy giảm nếu độ phân giải tối ưu không được thiết lập ứng với kích thước tấm panel màn hình. Bạn được khuyến cáo thiết lập độ phân giải tối ưu.

Nếu tín hiệu từ máy PC là một trong những kiểu tín hiệu chuẩn dưới đây, màn hình sẽ được thiết lập tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu từ máy PC không phải là một trong những kiểu tín hiệu sau, một màn hình trống có thể được kích hoạt hoặc chỉ có đèn LED báo nguồn bật sáng. Do đó, hãy cấu hình sản phẩm như dưới đây bằng cách tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng card màn hình.

S24A450SW

CHẾ ĐỘ HIỂN THỊ	TẦN SỐ QUÉT NGANG (KHZ)	TẦN SỐ QUÉT DỌC (HZ)	XUNG PIXEL (MHZ)	PHÂN CỰC ĐỒNG BỘ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1200	74,556	59,885	193,250	-/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một hàng từ cực biên trái – sang cực biên phải trên màn hình được gọi chu kỳ ngang và nghịch đảo của chu kỳ ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được biểu thị bằng kHz.

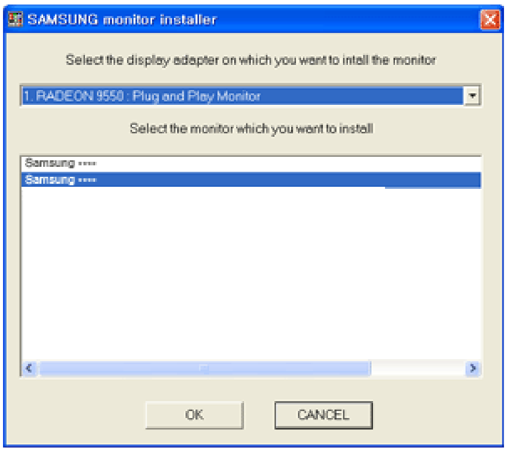
Tần số quét dọc

Tấm panel phải hiển thị cùng một hình trên màn hình mười lần mỗi giây để mắt người có thể nhìn thấy hình ảnh. Tần số này được gọi là tần số quét dọc. Tần số quét dọc được biểu thị bằng Hz.

3-17 Cài đặt trình điều khiển thiết bị

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển thiết bị, bạn có thể thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm. Trình điều khiển thiết bị được đóng gói trong CD-ROM đi kèm. Nếu tập tin trình điều khiển đi kèm bị lỗi, vui lòng truy cập trang web trung tâm dịch vụ (http://www.samsung.com/), công ty điện tử Samsung để tải về trình điều khiển.

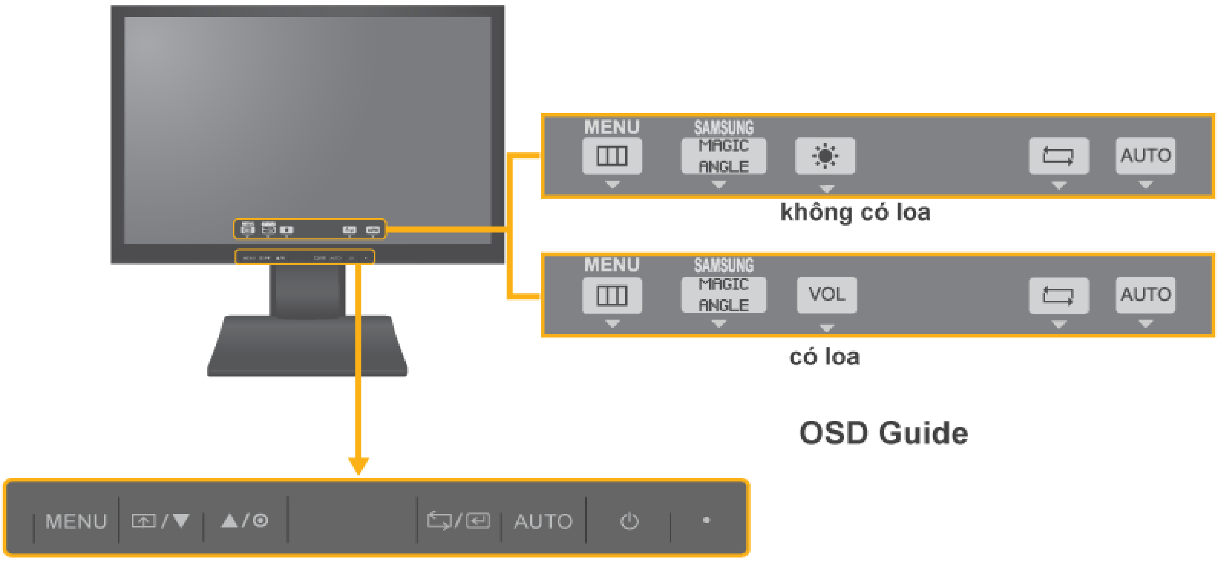
1. Đưa đĩa CD-ROM cài đặt vào ổ CD-ROM.
2. Nhấp vào "Windows Driver".
3. Hoàn tất các bước cài đặt còn lại theo các chỉ dẫn hiển thị trên màn hình.
4. Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.



5. Kiểm tra độ phân giải và tần số làm tươi màn hình trong thiết lập Control Panel (Bảng điều khiển). Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo tài liệu về hệ điều hành Windows.

3-18 Các nút điều khiển

Các nút điều khiển



- Nhấn một trong các nút trên màn hình. OSD Guide sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nếu bạn ấn một nút ở phía trước màn hình, OSD Guide sẽ hiển thị cho biết chức năng của nút đó trước khi trình đơn cho nút bạn đã ấn xuất hiện.
- Để đi tới trình đơn, hãy ấn nút ở phía trước màn hình một lần nữa.
- OSD Guide có thể khác nhau tùy theo tính năng và chế độ. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
MENU	Nhấn nút này để xem khung điều khiển (OSD). Nút này cũng được sử dụng để thoát OSD hoặc quay về menu OSD cao hơn * Khóa điều chỉnh OSD Chức năng này dùng để khóa OSD nhằm duy trì các thiết lập hiện hành hoặc tránh người khác thay đổi các thiết lập Mở: nếu nhấn và giữ nút MENU trong 5 giây, chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt. Tắt: nếu nhấn và giữ nút MENU trong 5 giây lần nữa, chức năng khóa điều chỉnh OSD bị vô hiệu hóa. Dù chức năng khóa điều chỉnh OSD được kích hoạt, bạn vẫn có thể được điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và có thể gán chức năng điều chỉnh cho [].
	Có thể cài đặt <Customized Key> cho một trong các chức năng sau. Nếu bạn nhấn Customized Key (Phím tùy chỉnh) [] sau khi đã cài đặt nó, chức năng đã được cấu hình sẽ được thực hiện. • <SAMSUNG MAGIC Angle> - <SAMSUNG MAGIC Bright> - <Eco Saving> - <Image Size> Bạn có thể cài đặt chức năng cho Customized Key bằng cách chọn <SETUP&RESET > -> <Customized Key> trong OSD.
▲/▼	Sử dụng các nút này để di chuyển trên menu hoặc điều chỉnh trị số trong OSD.

BIỂU TƯỢNG	MÔ TẢ
⊙	Sử dụng nút này để kiểm soát độ sáng của màn hình. Khi OSD không xuất hiện trên màn hình, nhấn nút này để điều chỉnh âm lượng. Chỉ áp dụng cho các kiểu có loa
▭/↵	Sử dụng nút này để chọn chức năng. Khi OSD chưa được kích hoạt, nếu nhấn nút [▭/↵] tín hiệu ngõ vào được chuyển qua lại giữa (Analog/Digital). Khi chuyển đổi tín hiệu vào bằng cách nhấn nút [▭/↵] hoặc khi sản phẩm được bật nguồn, một thông báo hiển thị lựa chọn tín hiệu vào xuất hiện đỉnh trái của màn hình.) Chức năng này không có sẵn trong các sản phẩm chỉ có một giao diện Analog (Tuần tự).
AUTO	Nhấn [AUTO] để điều chỉnh các thiết lập màn hình một cách tự động Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. Nếu các thiết lập độ phân giải được thay đổi Display Properties (Thuộc tính hiển thị), chức năng AUTO adjustment được thực hiện.
⏻	Nhấn nút này để tắt hay mở nguồn sản phẩm. **Đèn LED nguồn** Đèn LED này bật sáng khi sản phẩm hoạt động bình thường. Để biết thêm thông tin về chức năng tiết kiệm năng lượng, vui lòng tham khảo chức năng tiết kiệm năng lượng trong More Information (Thông tin thêm). Khi không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy rút dây nguồn theo khuyến cáo để giảm thiểu tiêu hao điện.

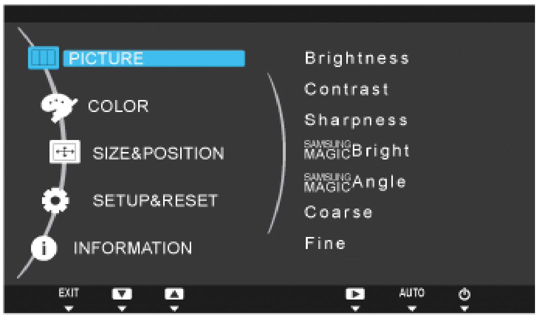
3-19 Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD: Khung điều khiển)

Sử dụng menu điều chỉnh màn hình (OSD: Khung điều khiển)

MENU CHÍNH	MENU PHỤ				
PICTURE	Brightness	Contrast	Sharpness	SAMSUNG MAGIC Bright	SAMSUNG MAGIC Angle
	Coarse	Fine			
COLOR	SAMSUNG MAGIC Color	Red	Green	Blue	Color Tone
	Gamma				
SIZE & POSITION	H-Position	V-Position	Image Size	Menu H-Position	Menu V-Position
SETUP&RESET	Reset	Language	Eco Saving	Off Timer On/Off	Off Timer Setting
	PC/AV Mode	Key Repeat Time	Customized Key	Auto Source	Display Time
	Menu Transparency				
INFORMATION					

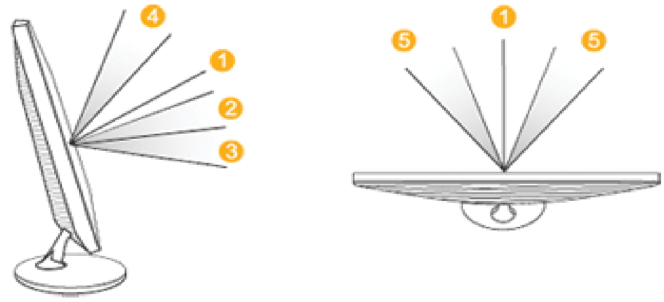
Các tính năng màn hình có thể khác nhau đối với các mẫu khác nhau. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế.

PICTURE

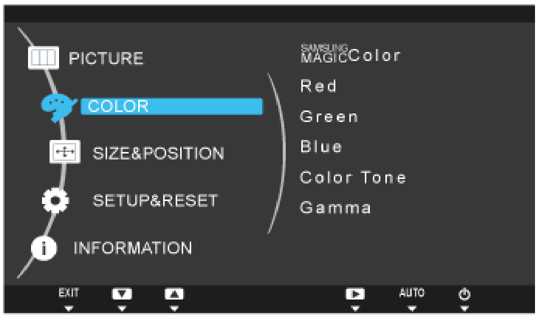


MENU	MÔ TẢ
Brightness	Điều khiển độ sáng của màn hình. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>. • Không có menu này khi tính năng <Eco Saving> được cài đặt.
Contrast	Điều chỉnh độ tương phản của các hình ảnh được hiển thị trên màn hình • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.

MENU	MÔ TẢ
Sharpness	Điều chỉnh sự rõ nét của các chi tiết hình ảnh hiển thị trên màn hình • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
SAMSUNG MAGIC Bright	Cung cấp sẵn các thiết lập hình ảnh được tối ưu hóa cho nhiều môi trường làm việc khác nhau như soạn thảo một tài liệu, lướt Internet, chơi game, xem thể thao hoặc phim ảnh v.v... • <Custom> Nếu các chế độ hình ảnh cài đặt sẵn chưa đáp ứng đủ, người dùng có thể cài đặt trực tiếp <brightness> và <Contrast> bằng chế độ này. • <Standard> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho soạn thảo một tài liệu và lướt Internet (văn bản + hình ảnh). • <Game> Chế độ này cung cấp thiết lập hình ảnh phù hợp cho chơi game với nhiều chi tiết đồ họa và yêu cầu một tần số làm tươi màn hình nhanh. • <Cinema> Chế độ này cung cấp thiết lập độ sáng và độ sắc nét tương tự như màn hình TV cho môi trường giải trí tốt nhất (phim, DVD, v.v...). • <Dynamic Contrast> Điều chỉnh tự động tương phản hình ảnh sao cho ảnh sáng và tối được cân bằng toàn cục. Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> hoặc <Eco Saving> được cài đặt.

MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Angle	Tính năng này cho phép bạn xem chất lượng tối ưu của màn hình theo vị trí xem của bạn. Khi xem màn hình từ góc bên dưới, phía trên hoặc bên cạnh màn hình, bạn có thể thu được chất lượng hình ảnh tương tự như xem màn hình trực tiếp từ phía trước bằng cách thiết lập chế độ phù hợp cho mỗi vị trí. Thiết lập là <Off> khi xem trực tiếp từ phía trước màn hình. • <Off> ① - Chọn khi xem từ phía trước. • <Lean Back Mode1> ② - Chọn khi xem từ từ vị trí thấp hơn một chút. • <Lean Back Mode2> ③ - Chọn khi xem từ từ vị trí thấp hơn. • <Standing Mode> ④ - Chọn khi xem từ phía trên màn hình. • <Side Mode> ⑤ -Chọn khi xem từ bên trái hoặc bên phải. • <Group View> - Chọn khi hai người hoặc nhiều hơn xem ở vị trí ①, ④, ⑤ cùng một lúc. • <Custom> -Khi chọn <Custom>, thiết lập <Lean Back Mode 1> được áp một cách mặc định. Người dùng có thể thiết lập chất lượng hình ảnh phù hợp như mong muốn.  • Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> hoặc <Cinema>. • Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt.
Coarse	Loại bỏ nhiễu sọc dọc (nhóm sọc) từ màn hình. Vị trí của màn hình có thể bị thay đổi sau khi điều chỉnh. Trong trường hợp này, dời màn hình sao cho màn hình được hiển thị ở trung tâm bằng cách sử dụng menu <H-Position>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.
Fine	Loại bỏ nhiễu sọc ngang (nhóm sọc) từ màn hình. Nếu bạn không thể loại bỏ nhiễu hoàn toàn với chức năng <Fine> hãy sử dụng chức năng <Coarse> sau đó sử dụng lại chức năng <Fine>. Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog.

COLOR

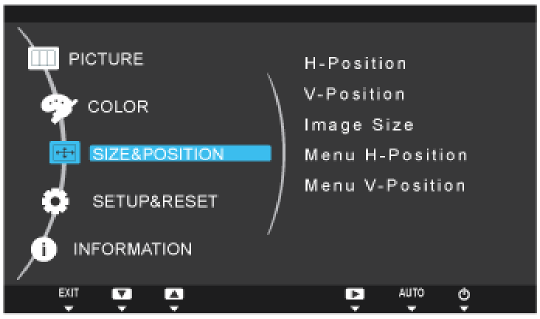


PICTURE
COLOR
SIZE&POSITION
SETUP&RESET
INFORMATION
SAMSUNG MAGICColor
Red
Green
Blue
Color Tone
Gamma
EXIT
AUTO

MENU	MÔ TẢ
SAMSUNG MAGIC Color	Biểu thị màu sắc tự nhiên một cách rõ ràng mà không làm biến đổi chất lượng hình ảnh nhờ sử dụng công nghệ cải thiện chất lượng hình ảnh được phát triển bởi công ty điện tử Samsung. • <Off> - Tắt chức năng <SAMSUNG MAGIC Color>. • <Demo> - Bạn có thể so sánh các hình ảnh được xử lý bởi <SAMSUNG MAGIC Color> với các hình ảnh gốc. • <Full> - Cho hình ảnh rõ ràng hơn ở cả những vùng có màu da. • <Intelligent> - Cải thiện độ kết tủa màu ở hình ảnh ngoại trừ những vùng tương xứng với màu da. Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.
Red	Bạn có thể điều chỉnh sắc đỏ của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Green	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh lục của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Blue	Bạn có thể điều chỉnh sắc xanh dương của hình ảnh theo sở thích. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>.
Color Tone	Bạn có thể đặt nhiệt độ màu theo sở thích của mình. • <Cool 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất lạnh. • <Cool 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu lạnh. • <Normal> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang nhiệt độ màu chuẩn. • <Warm 1> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu ấm. • <Warm 2> - Đặt nhiệt độ màu của màn hình sang màu rất ấm. • <Custom> - Chọn menu này để đặt nhiệt độ màu bằng tay. Nếu không thích nhiệt độ màu hiện tại, bạn có thể điều chỉnh thủ công giá trị RGB. • Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Color> được cài đặt ở chế độ <Full> hoặc chế độ <Intelligent>. • Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.
Gamma	Sử dụng menu này, bạn có thể thay đổi cường độ của màu sắc ở độ sáng trung bình. • <Mode1> - <Mode2> - <Mode3> Không có menu này khi tính năng <SAMSUNG MAGIC Angle> được cài đặt.

Trình đơn này không có khi <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast> và <Cinema>.

SIZE & POSITION



MENU	MÔ TẢ
H-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều ngang. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi nhận tín hiệu 720P,1080i hoặc 1080P trong chế độ AV, chọn <Screen Fit> để điều chỉnh vị trí ngang theo mức từ 0-6.
V-Position	Di chuyển vị trí của vùng hiển thị trên màn hình theo chiều dọc. • Chức năng này chỉ có ở chế độ Analog. • Khi nhận tín hiệu 720P,1080i hoặc 1080P trong chế độ AV, chọn <Screen Fit> để điều chỉnh vị trí ngang theo mức từ 0-6.
Image Size	Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16:9 hoặc 16:10 **Tín hiệu máy PC** • <Auto> - Hình ảnh được hiển thị theo tỉ lệ co của tín hiệu vào. • <Wide> - Hình ảnh được hiển thị toàn màn hình bất chấp tỉ lệ co của tín hiệu vào. • Tín hiệu không có trong bảng chuẩn không được hỗ trợ. • Nếu độ phân giải được thiết lập ở độ phân giải tối ưu, tỉ lệ co không thay đổi dù cho <Image Size> được để là <Auto> hoặc <Wide>. **Tín hiệu AV** • <4 : 3> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 4 :3. • <16 : 9> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 16 :9. • <Screen Fit> - Nếu dùng tín hiệu chuẩn 720P, 1080i hoặc 1080P trong chế độ ngõ vào DVI, hình ảnh được thể hiện trọn vẹn như nguyên bản. Điều này chỉ thực hiện được khi ngõ nhập ngoại được kết nối với cổng DVI và <PC/AV Mode> được để <AV>. • <4 : 3> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 4 :3. • <wide> - Hiển thị hình ảnh theo tỉ lệ co 16:10. • <Screen Fit> - Nếu dùng tín hiệu chuẩn 720P, 1080i hoặc 1080P trong chế độ ngõ vào DVI, hình ảnh được thể hiện trọn vẹn như nguyên bản. • Chỉ sử dụng được khi ngỏ vào tín hiệu ngoài được kết nối với cổng HDMI/DVI và <PC/AV Mode> được đặt ở chế độ <AV> . • Khi bảng có tỷ lệ là 16:10, các tùy chọn kích thước màn hình sẽ bao gồm <4:3>,<wide>,<Screen fit>.

MENU	MÔ TẢ
Menu H-Position	Bạn có thể điều chỉnh hoành vị của OSD.
Menu V-Position	Bạn có thể điều chỉnh tung vị của OSD.

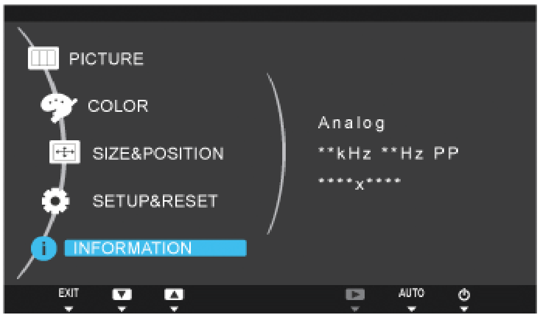
SETUP&RESET



MENU	MÔ TẢ
Reset	Sử dụng chức năng này để khôi phục các thiết lập chất lượng và màu về các mặc định xuất xưởng. • <No> - <Yes>
Language	Chọn một ngôn ngữ cho OSD. • Deutsch, English,Español,Français,Italiano,Magyar,Polski, Português,Русский,Svenska,Türkçe,日本語, 한국어 ,汉语 Ngôn ngữ được lựa chọn chỉ được sử dụng trên OSD của sản phẩm. Sự thiết lập này không ảnh hưởng các chức năng khác của máy PC.
Eco Saving	Tính năng này cung cấp người dùng chế độ tiết kiệm năng lượng. Chế độ này được nhận thấy bằng cách hạ thấp dòng điện của panel màn hình. • <75%> Khi chọn <75%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 75% của cài đặt mặc định. • <50%> Khi chọn <50%>, tiêu thụ điện chiếm khoảng 50% của cài đặt mặc định. • <Off> Khi chọn <Off>, tính năng này sẽ bị tắt. Menu này không sử dụng được khi chức năng <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt ở chế độ <Dynamic Contrast>.
Off Timer On/Off	Bạn có thể kích hoạt hay tắt bộ định giờ tắt. • <Off> - <On>
Off Timer Setting	Tự động tắt nguồn điện khi đã đến thời gian chọn trước. Tính năng này chỉ có khi chọn <On> trong <Off Timer On/Off>.

MENU	MÔ TẢ
PC/AV Mode	Cài đặt là PC khi kết nối với một PC. Cài đặt là AV khi kết nối với một thiết bị AV. • Chức năng này không hỗ trợ chế độ Analog. • Chỉ cung cấp cho các kiểu màn hình rộng như 16:9 hoặc 16:10 • Nếu màn hình (khi cài đặt về Digital (kĩ thuật số) đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc đang hiển thị thông báo <Check Signal Cable>, hãy ấn nút MENU để hiển thị trình đơn điều khiển trên màn hình (OSD). Bạn có thể lựa chọn <PC> hoặc <AV>.
Key Repeat Time	Kiểm soát thời gian hoãn lặp của một nút. Có thể cài đặt là <Acceleration>, <1 sec> hoặc <2 sec>. Nếu chọn <No Repeat>, nút này chỉ phản ứng một lần.
Customized Key	Bạn có thể cài đặt một trong số các chức năng sau cho Customized Key (Phím tùy chỉnh). • <SAMSUNG MAGIC Angle> - <SAMSUNG MAGIC Bright> - <Eco Saving> - <Image Size>
Auto Source	• <Auto> - Màn hình tự động lựa chọn một tín hiệu vào. • <Manual> - Người sử dụng phải chọn một tín hiệu vào bằng tay. Không áp dụng cho các kiểu (D-SUB)-Analog hoặc(DVI)kỹ thuật số chuyên dụng.
Display Time	OSD tự động ẩn khi không được tác động đến. Bạn có thể chỉ định thời gian chờ trước khi OSD tự tắt. • <5 sec> - <10 sec> - <20 sec> - <200 sec>
Menu Transparency	Bạn có thể lựa chọn OSD trong suốt. • <Off> - <On>

INFORMATION



MENU	MÔ TẢ
INFORMATION	Hiển thị tần số và độ phân giải thiết lập trên máy PC. Đối với những kiểu chỉ có một giao diện Analog, <Analog/Digital> không hiển thị trong mục <Information>.

4 Cài đặt phần mềm

4-1 Natural Color (Màu sắc tự nhiên)

Thế nào là Natural Color ?

Phần mềm này chỉ làm việc trên những sản phẩm Samsung và cho phép điều chỉnh màu sắc hiển thị trên sản phẩm và đối chiếu với màu trên sản phẩm với màu của những bức ảnh được in ra. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến. Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

4-2 MagicTune

Thế nào là MagicTune?

MagicTune là phần mềm trợ giúp tùy chỉnh màn hình bằng cách cung cấp các mô tả đầy đủ chức năng màn hình và các hướng dẫn dễ hiểu.

Người sử dụng có thể điều chỉnh sản phẩm từ chuột hoặc bàn phím mà không cần thao tác trên các nút điều khiển.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MagicTune.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin cài đặt MagicTune trên CD-ROM.

3. Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicTune có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicTune™)

Cài đặt MagicTune™có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Yêu cầu về hệ thống

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32Bit
- Windows 7 32Bit

Để sử dụng MagicTune™, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Để biết thêm thông tin, tham khảo website.

Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicTune™từ [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicTune™, hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Start (Bắt đầu)] chọn [Settings (Cài đặt)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Start (Bắt đầu)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.

2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Control Panel (Bảng điều khiển).
3. Trong cửa sổ [Add/Remove (Thêm/Gỡ bỏ)] tìm và chọn MagicTune™, tên chương trình hiện sáng lên khi được chọn.
4. Nhấp [Change or Remove Programs (Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình)] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Yes (Có)] để bắt đầu gỡ bỏ MagicTune™.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.

- Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicTune™, vui lòng truy cập website của chúng tôi.
- MagicTune không tương thích với tất cả card màn hình. Đề nghị dùng hệ điều hành Win7 để đạt được hoạt động tốt hơn.
- Trước khi sử dụng MagicTune , chúng tôi đề nghị bạn cập nhật trình điều khiển card màn hình lên phiên bản mới nhất.

4-3 MultiScreen

Thế nào là MultiScreen?

MultiScreen

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MultiScreen.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin MultiScreen trên CD-ROM.

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng MultiScreen có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt MultiScreen có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

OS

- Windows 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32Bit
- Windows 7 32Bit

Để sử dụng MultiScreen, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [Start (Bắt đầu)], chọn [Settings (Cài đặt)]/[Control Panel (Bảng điều khiển)] và nhấp kép vào [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)].

Chọn MultiScreen từ danh sách và nhấp nút [Add/Delete (Thêm/Xóa)].

4-4 MagicRotation

Thế nào là MagicRotation?

Phần mềm MagicRotation của Samsung Electronics, Inc. cung cấp cho người dùng các đặc tính xoay màn hình (hướng 0, 90, 180, 270) giúp dễ dàng tận dụng tối ưu màn hình máy tính, quan sát tốt hơn cũng như năng suất người dùng được cải thiện tốt hơn.

Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt MagicRotation.

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin cài đặt MagicRotation trên CD-ROM.

3. Chọn ngôn ngữ cài đặt và nhấp [Next (Tiếp tục)].
4. Hoàn tất các bước cài đặt phần mềm còn lại theo các chỉ dẫn trình bày trên màn hình.

- Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
- Biểu tượng MagicRotation có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
- Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím F5.

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MagicRotation)

1. Cài đặt MagicRotation có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.
2. Khi bạn muốn sử dụng cả MagicRotation và MagicTune ,hãy cài đặt MagicTune trước.

Hạn chế

1. "Trình điều khiển màn hình" phải được nạp đầy đủ để chương trình MagicRotation hoạt động đúng.
   "Trình điều khiển màn hình" phải là phiên bản mới nhất do người bán cung cấp.
2. Nếu một vài ứng dụng như Windows Media Player, Real Player v.v... không hiển thị hình ảnh phù hợp khi góc xoay màn hình là 90, 180 và 270 độ, bạn làm như sau:
   - Đóng ứng dụng đó lại.
   - Chọn góc xoay (90, 180, 270) theo yêu cầu.
   - Sau đó chạy lại ứng dụng đó.

   Trong hầu hết mọi trường hợp, thao tác này khắc phục được lỗi này.
3. Các phần mền ứng dụng sử dụng OpenGL và DirectDraw (hình ảnh 3D) sẽ không hoạt động được trong các chế độ xoay được chọn (90, 180, 270).
   Ví dụ: trò chơi 3D
4. Trong các ứng dụng trên nền DOS ở chế độ toàn màn hình sẽ không hoạt động được trong các chế độ góc xoay được chọn (90, 180, 270).
5. Kiểu Song song không được hỗ trợ trong Windows™ 98, ME, NT 4.0.
6. MagicRotation không hỗ trợ hình ảnh 24 bit/pixel (độ sâu Bit /Chất lượng hình ảnh).
7. Nếu bạn thay đổi card màn hình, bạn nên tháo gỡ phần mềm MagicRotation trước khi thay.

Yêu cầu về hệ thống

OS

- Windows™ 98 SE
- Windows™ Me

- Windows™ NT 4.0
- Windows™ 2000
- Windows XP Home Edition
- Windows XP Professional
- Windows Vista 32Bit
- Windows 7 32Bit

Để sử dụng MagicRotation, khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

Phần cứng

- Tối thiểu 128MB bộ nhớ (được khuyến cáo)
- Tối thiểu 25MB ổ cứng còn trống

Gói dịch vụ

- Đề xuất sử dụng gói dịch vụ mới nhất cho hệ thống của bạn.
- Đối với Windows™, NT 4.0, các phần mềm Internet Explorer 5.0 và phiên bản mới hơn với thành phần Active Desktop được khuyến cáo nên dùng.

- Để biết thêm thông tin, tham khảo website.
- Windows™, là nhãn hiệu đã đăng ký của công ty Microsoft.

Gỡ bỏ phần mềm

Bạn chỉ có thể gỡ bỏ MagicRotation từ [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Windows.

Để gỡ bỏ MagicRotation, hãy hoàn thành các bước sau.

1. Nhấp [Start (Bắt đầu)] chọn [Settings (Cài đặt)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
   Trong Windows XP, nhấp [Start (Bắt đầu)], và chọn [Control Panel (Bảng điều khiển)] từ menu.
2. Nhấp đúp vào biểu tượng [Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)] trong Control Panel (Bảng điều khiển).
3. Trong cửa sổ [Add/Remove (Thêm/Gỡ bỏ)], tìm và chọn MagicRotation, tên chương trình sáng lên khi được chọn .
4. Nhấp [Change or Remove Programs (Thay đổi hoặc gỡ bỏ chương trình)] để gỡ bỏ phần mềm.
5. Chọn [Yes (Có)] để bắt đầu gỡ bỏ MagicRotation.
6. Chờ đến khi xuất hiện một thông báo phần mềm đã được gỡ bỏ hoàn toàn.

- Để được hỗ trợ kỹ thuật, xem FAQ (các câu hỏi thường gặp) hoặc thông tin về nâng cấp phần mềm MagicTune™, vui lòng truy cập website của chúng tôi.
- MagicTune không tương thích với tất cả card màn hình. Đề nghị dùng hệ điều hành Win7 để đạt được hoạt động tốt hơn.
- Trước khi sử dụng MagicTune , chúng tôi đề nghị bạn cập nhật trình điều khiển card màn hình lên phiên bản mới nhất.

5 Giải quyết sự cố

5-1 Tự chuẩn đoán màn hình - Self-Diagnosis

- Bạn có thể kiểm tra sự hoàn hảo của sản phẩm bằng chức năng Self-Diagnosis.
- Lúc màn hình trống xuất hiện và đèn LED nguồn nhấp nháy ngay cả khi sản phẩm và máy PC đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy thực hiện chức năng tự chuẩn đoán theo như trình tự sau.

1. Tắt nguồn sản phẩm và máy PC.
2. Tháo rời cáp tín hiệu khỏi sản phẩm.
3. Bật sản phẩm.
4. Nếu sản phẩm đang hoạt động tốt, bạn nhận được thông báo <Check Signal Cable>.
   Trong trường hợp này, nếu màn hình trống xuất hiện lần nữa, hãy chắc chắn rằng không có trục trặc với máy PC và kết nối. Sản phẩm hoạt động hoàn hảo.

5-2 Trước khi yêu cầu dịch vụ

Vui lòng kiểm tra các nội dung sau trước khi yêu cầu dịch vụ hậu mãi. Nếu trục trặc vẫn còn, vui lòng liên hệ trung tâm dịch vụ công ty điện tử Samsung gần nhất.

MÀN HÌNH TRỐNG XUẤT HIỆN/ TÔI KHÔNG THỂ MỞ NGUỒN SẢN PHẨM	
Đã cắm dây nguồn đúng cách chưa?	Kiểm tra tình trạng kết nối của dây nguồn.
Có thông báo <Check Signal Cable> xuất hiện trên màn hình?	(Đã kết nối sử dụng cáp D-sub) Hãy kiểm tra lại cáp kết nối với PC với sản phẩm. (Sử dụng cáp DVI kết nối) Trong trường hợp thông báo này vẫn xuất hiện trên màn hình ngay cả khi cáp đã được kết nối hoàn chỉnh, hãy kiểm tra lại nguồn tín hiệu vào bằng cách nhấn nút [□/⏎] của sản phẩm.
Xuất hiện thông báo <Not Optimum Mode> trên màn hình?	Điều này xảy ra khi tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải tối đa của sản phẩm. Trong trường hợp này, hãy thiết lập độ phân giải và tần số phù hợp cho sản phẩm.
Màn hình trống xuất hiện và LED nguồn nhấp nháy mỗi giây một lần?	**1.** Điều này xảy ra khi chức năng tiết kiệm điện đang được sử dụng. Nếu bạn nhấp chuột hoặc nhấn phím bất kỳ, màn hình sẽ được kích hoạt trở lại. **2.** Nếu hiện tượng "Check Signal Cable" vẫn cứ xuất hiện trong hơn 5 phút, chế độ Lossless sẽ được kích hoạt.Ở chế độ Lossless,đèn sau của màn hình sẽ tắt.
Bạn có sử dụng cáp DVI?	Nếu bạn kết nối cáp DVI trong khi máy PC đang khởi động hoặc cắm lại cáp DVI sau ngắt ra trong lúc sử dụng máy PC, màn hình có thể không hiển thị do một số card màn hình không xuất tín hiệu video. Trong trường hợp này, khởi động lại máy PC với cáp DVI đã được kết nối sẵn.
HÌNH ẢNH QUÁ SÁNG HOẶC QUÁ TỐI.	
Điều chỉnh <Brightness> và <Contrast>. (Tham khảo <Brightness>, <Contrast>) Độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo chế độ được cài đặt cho <SAMSUNG MAGIC Angle>. Nếu <SAMSUNG MAGIC Bright> được cài đặt là <Dynamic Contrast>, độ sáng màn hình có thể khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào.	
MENU ĐIỀU CHỈNH MÀN HÌNH (OSD) KHÔNG XUẤT HIỆN.	
Bạn đã hủy điều chỉnh màn hình?	Kiểm tra chức năng Khóa điều chỉnh OSD có bị tắt.
MÀU SẮC NHẬP NHẰNG/CHỈ CÓ HÌNH ẢNH TRẮNG ĐEN	
Cả màn hình chỉ có một màu như thể màn hình có che giấy bóng kính?	Kiểm tra kết nối với máy tính. Gắn lại card màn hình cho thật chặt.
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
VÙNG HIỂN THỊ ĐỘT NGỘT DI CHUYỂN VỀ PHÍA RÌA HOẶC TRUNG TÂM.	
Bạn có thay đổi card màn hình hay trình điều khiển?	Vui lòng nhấn nút [AUTO] để kích hoạt chức năng tự điều chỉnh.

VÙNG HIỂN THỊ ĐỘT NGỘT DI CHUYỂN VỀ PHÍA RÌA HOẶC TRUNG TÂM.	
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Tham khảo hướng dẫn sử dụng để cài đặt Card màn hình.
HÌNH ẢNH MẤT HỘI TỤ.	
Bạn đã thay đổi độ phân giải và tần số phù hợp với sản phẩm hay chưa?	Hãy đặt độ phân giải và tần số đến giá trị phù hợp với card màn hình theo (Bảng kiểu tín hiệu chuẩn)
MÀN HÌNH HIỂN THỊ DẠNG 16 BIT (16 MÀU). MÀU SẮC THAY ĐỔI SAU KHI THAY ĐỔI CARD MÀN HÌNH.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Windows XP : Hãy cài đặt lại màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Chủ đề → Hiển thị → Cài đặt. Windows ME/2000 : Thiết lập màu lại bằng cách chọn Control Panel (Bảng điều khiển) → Display (Hiển thị)→ Settings (Cài đặt). Windows Vista : thay đổi cài đặt màu bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Cài đặt hiển thi. Windows 7 : Thay đổi cài đặt màu sắc bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải → Cài đặt nâng cao → Màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows.)
Card màn hình đã được cấu hình chính xác?	Xác lập chế độ màu lại cho phù hợp với trình điều khiển card màn hình mới.
KHI KẾT NỐI VỚI MÀN HÌNH, XUẤT HIỆN THÔNG BÁO 'KHÔNG TÌM THẤY MÀN HÌNH, TÌM THẤY MÀN HÌNH CẮM&CHẠY (VESA DDC)'.	
Bạn đã cài đặt trình điều khiển thiết bị cho sản phẩm hay chưa?	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.
Kiểm tra xem tất cả các chức năng cắm&chạy (VESA DDC) có được hỗ trợ tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của card màn hình.	Cài đặt trình điều khiển thiết bị, tham khảo mô tả về cài đặt trình điều khiển.
TÔI THẤY CÁC VẾT DÍNH NHỎ XUẤT HIỆN Ở CÁC VIỀN NGOÀI CỦA SẢN PHẨM.	
Do sản phẩm này được thiết kế sao cho màu sắc có vẻ mềm mại bằng cách phủ một chất trong suốt lên trên các viền đen, vì thế bạn có thể thấy chúng. Điều này không phải khiếm khuyết của sản phẩm.	
ÂM THANH "BÍP, BÍP" PHÁT RA KHI KHỞI ĐỘNG MÁY TÍNH.	
Nếu tiếng bíp kêu 3 lần hoặc nhiều hơn khi khởi động máy tính, vui lòng yêu cầu dịch vụ về máy tính.	

5-3 Các câu hỏi thường gặp (FAQ)

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)!	HÃY THỬ THỰC HIỆN CÁC CÁCH SAU!
Làm thế nào để thay đổi tần số (tỷ lệ làm tươi) của tín hiệu video?	Bạn phải thay đổi tần số của card màn hình. Windows XP : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Hiển thị→ Cài đặt → Nâng cao → Màn hình. Sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới Các cài đặt màn hình. Windows ME/2000 : Thay đổi tần số bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt → Nâng cao → Màn hình. Sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới Các cài đặt màn hình. Windows Vista : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh → Tùy chỉnh → Cài đặt hiển thi → Cài đặt nâng cao → Màn hình, và sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới phần Cài đặt màn hình. Windows 7 : Thay đổi tần số bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị vàTùy chỉnh→ Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải màn hình → Cài đặt nâng cao → Màn hình, và sau đó thay đổi tỷ lệ làm tươi dưới phần Cài đặt màn hình. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để chỉnh sửa độ phân giải?	Windows XP : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Hiển thị → Cài đặt. Windows ME/2000 : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt. Windows Vista : thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và Tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Cài đặt hiển thi. Windows 7 : Thay đổi độ phân giải bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị và Tùy chỉnh → Màn hình → Điều chỉnh độ phân giải. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của máy tính hoặc card màn hình.)
Làm thế nào để cài đặt chức năng tiết kiệm điện?	Windows XP : Thiết lập cấu hình bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và chủ đề → Hiển thị → Cài đặt màn hình chờ hoặc cấu hình từ BIOS Setup của máy tính. Windows ME/2000 : Thiết lập cấu hình bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hiển thị → Cài đặt màn hình chờ hoặc cấu hình từ BIOS Setup của máy tính. Windows Vista : Thay đổi cài đặt bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Màn hình chờ. Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên máy tính. Windows 7 : Thay đổi cài đặt bằng cách chọn Bảng điều khiển → Hình thức và tùy chỉnh→Tùy chỉnh→Màn hình chờ. Bạn cũng có thể sử dụng trình đơn BIOS SETUP (Cài đặt BIOS) trên máy tính. (Để biết chi tiết hơn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ điều hành Windows.)

6 Thông tin bổ sung

6-1 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450BW
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440x900 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1440x900 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		137MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		443 x 302 x 50 mm (Không có chân đế) 443 x 377 x 201 mm (Có chân đế) / 4,3 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-2 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-3 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450BR
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x1024 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x1024 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		135MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		413 x 348 x 50 mm (Không có chân đế) 413 x 401 x 201 mm (Có chân đế) / 4,7 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-4 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-5 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450MW
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440x900 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1440x900 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
Xung Pixel cực đại		137MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		443 x 302 x 50 mm (Không có chân đế) 443 x 377 x 201 mm (Có chân đế) / 4,3 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-6 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-7 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450MR
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x1024 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x1024 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
Xung Pixel cực đại		135 MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		413 x 348 x 50 mm (Không có chân đế) 413 x 401 x 201 mm (Có chân đế) / 4,7 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-8 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-9 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450SW
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	408,24 mm (Ngang) x 255,15 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1440x900 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1440x900 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
USB Hub		USB lên x 1 , USB 2,0 xuống x 2
Xung Pixel cực đại		137MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		443 x 302 x 50 mm (Không có chân đế) 443 x 377 x 201 mm (Có chân đế) / 4,3 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-10 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-11 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S19A450SR
Tấm panel	Kích thước	19 inch (48 cm)
	Vùng hiển thị	376,32 mm (Ngang) x 301,06 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,2835 mm (Ngang) x 0,2835 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1280 x1024 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1280 x1024 @75 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
USB Hub		USB lên x 1 , USB 2,0 xuống x 2
Xung Pixel cực đại		135MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		413 x 348 x 50 mm (Không có chân đế) 413 x 401 x 201 mm (Có chân đế) / 4,7 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-12 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	20 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-13 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22A450BW
Tấm panel	Kích thước	22 inch (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680x1050 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1680x1050 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		508 x 344 x 50 mm (Không có chân đế) 508 x 380 x 201 mm (Có chân đế) / 4,6 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-14 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-15 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22A450MW
Tấm panel	Kích thước	22 inch (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680x1050 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1680x1050 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		508 x 344 x 50 mm (Không có chân đế) 508 x 380 x 201 mm (Có chân đế) / 4,6 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-16 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-17 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S22A450SW
Tấm panel	Kích thước	22 inch (55 cm)
	Vùng hiển thị	473,76 mm (Ngang) x 296,1 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,282 mm (Ngang) x 0,282 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1680x1050 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1680x1050 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
USB Hub		USB lên x 1 , USB 2,0 xuống x 2
Xung Pixel cực đại		146MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		508 x 344 x 50 mm (Không có chân đế) 508 x 380 x 201 mm (Có chân đế) / 4,6 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-18 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	25 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-19 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450B
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		149MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		570 x 347 x 50 mm (Không có chân đế) 570 x 387 x 201 mm (Có chân đế) / 5,2 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-20 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-21 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450BW
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	518,4 mm (Ngang) x 324,0 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,270 mm (Ngang) x 0,270 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1200 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1200 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Xung Pixel cực đại		165MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		560 x 374 x 50 mm (Không có chân đế) 560 x 400 x 201 mm (Có chân đế) / 5,1 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-22 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-23 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450M
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
Xung Pixel cực đại		149MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		570 x 347 x 50 mm (Không có chân đế) 570 x 387 x 201 mm (Có chân đế) / 5,2 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-24 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-25 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450MW
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	518,4 mm (Ngang) x 324,0 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,270 mm (Ngang) x 0,270 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1200 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1200 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
Xung Pixel cực đại		165MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		560 x 374 x 50 mm (Không có chân đế) 560 x 400 x 201 mm (Có chân đế) / 5,1 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện từ hơn các thiết bị lớp A.)

6-26 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-27 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450S
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	531,36 mm (Ngang) x 298,89 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,27675 mm (Ngang) x 0,27675 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1080 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1080 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
USB Hub		USB lên x 1 , USB 2,0 xuống x 2
Xung Pixel cực đại		149MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		570 x 347 x 50 mm (Không có chân đế) 570 X 387 X 201 mm (Có chân đế) / 5,2 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-28 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-29 Đặc tính kỹ thuật

TÊN MODEL		S24A450SW
Tấm panel	Kích thước	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	518,4 mm (Ngang) x 324,0 mm (Dọc)
	Mật độ pixel	0,270 mm (Ngang) x 0,270 mm (Dọc)
Đồng bộ hóa	Chiều ngang	30 ~ 81 kHz
	Chiều dọc	56 ~ 75 Hz
Màu sắc hiển thị		16,7 M
Độ phân giải	Độ phân giải tối ưu	1920x1200 @60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920x1200 @60 Hz
Tín hiệu vào, kết thúc		RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB 0,7 Vp-p ± 5% Đồng bộ hóa H/V riêng biệt, tổng hợp, SOG Mức TTL (V cao ≥ 2,0V, V thấp ≤ 0,8V)
Tín hiệu âm thanh		Tín hiệu âm thanh đầu vào : 1 chân , Tín hiệu âm thanh đầu vào máy PC Tín hiệu âm thanh đầu ra : 1 chân , đầu nối tai nghe Loa : 1Watt x 2
USB Hub		USB lên x 1 , USB 2,0 xuống x 2
Xung Pixel cực đại		165MHz (Analog,Digital)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp 100-240 V. Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm.
Cáp tín hiệu		Cáp kiểu D-sub, 15 chân-15 chân, có thể tách rời Đầu nối DVI-D vào DVI-D, có thể tách rời
Kích thước (DxRxC) / Trọng lượng		560 x 374 x 50 mm (Không có chân đế) 560 x 400 x 201 mm (Có chân đế) / 5,1 kg
Cơ cấu lắp VESA		100 mm x 100 mm / 100 mm x 200 mm
Điều kiện môi trường	Vận hành	Nhiệt độ vận hành : 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ hơi nước
	Lưu trữ	Nhiệt độ bảo quản : -20˚C ~ 60˚C (-4˚F ~ 140˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ hơi nước
Nghiêng		-3˚(±2˚) ~25˚(±2˚)

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Loại B (Thiết bị trao đổi thông tin dùng trong dân dụng)

Thiết bị này được đăng ký theo các yêu cầu EMC về gia dụng (Lớp B). Có thể sử dụng nó ở khắp mọi nơi. (Thiết bị lớp B thường phát ra ít sóng điện tử hơn các thiết bị lớp A.)

6-30 Chức năng tiết kiệm năng lượng

Màn hình này có tích hợp một hệ thống quản lý năng lượng gọi là PowerSaver. Hệ thống này tiết kiệm năng lượng bằng cách chuyển màn hình sang chế độ ít tiêu hao năng lượng khi không sử dụng trong một thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động trở lại trạng thái hoạt động bình thường khi bạn nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo toàn năng lượng, hãy tắt màn hình khi không sử dụng hoặc khi để yên trong một thời gian dài. Hệ thống PowerSaver hoạt động với một VESA DPM card màn hình tương thích đã cài đặt vào máy tính của bạn. Sử dụng phần mềm tiện ích trong máy tính để điều chỉnh tính năng này.

TRẠNG THÁI	VẬN HÀNH BÌNH THƯỜNG	CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM ĐIỆN	TẮT NGUỒN
Chỉ báo nguồn	Mở	Nhấp nháy	Tắt
Công suất tiêu thụ điện năng	34 W	0,3 watt thông dụng	0,3 watt thông dụng

Nếu không có công tắc cắt nguồn – công suất tiêu thụ điện chỉ bằng "0 " khi rút dây nguồn điện.

6-31 Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

- Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
ARGENTINA	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com
DOMINICA	0-800-751-2676	http://www.samsung.com
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com
HONDURAS	800-27919267	http://www.samsung.com
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com
PERU	0-800-777-08	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com

EUROPE		
ALBANIA	42 27 5755	-
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864,€ 0.07/ min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
BOSNIA	05 133 1999	-
BULGARIA	07001 33 11	http://www.samsung.com
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 7864)	http://www.samsung.com
CZECH	800 - SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Samsung Zrt., česká organizační složka, Oasis Florenc, Sokolovská394/17, 180 00, Praha 8	

EUROPE		
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
FINLAND	030 - 6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864, € 0,14/ Min)	http://www.samsung.com
GREECE	2106293100	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KOSOVO	+381 0113216899	-
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
MACEDONIA	023 207 777	-
MONTENEGRO	020 405 888	-
NETHERLANDS	0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0.10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801 1SAMSUNG (172678) 022 - 607 - 93 - 33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	80820 - SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
RUMANIA	08010 SAMSUNG (08010 7267864) – doar din rețeaua Romtelecom, tarif local; 021.206.01.10 – din orice rețea, tarif normal	http://www.samsung.com
SERBIA	0700 Samsung (0700 726 7864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800-SAMSUNG (0800-726 786)	http://www.samsung.com/sk
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848-SAMSUNG(7267864, CHF 0.08/ min)	http://www.samsung.com/ch http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com

CIS		
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
GEORGIA	8-800-555-555	-
ARMENIA	0-800-05-555	-
AZERBAIJAN	088-55-55-555	-

CIS		
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http:// www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru
BELARUS	810-800-500-55-500	-
MOLDOVA	00-800-500-55-500	-

ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk http://www.samsung.com/hk_en/
INDIA	3030 8282, 1800 3000 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG (726-7864) 1-800-3-SAMSUNG (726-7864) 1-800-8-SAMSUNG (726-7864) 02-5805777	http://www.samsung.com
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999	http://www.samsung.com
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MIDDLE EAST		
IRAN	021-8255	http://www.samsung.com http://www.samservice.com
OMAN	800 - SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KUWAIT	183-2255	http://www.samsung.com
BAHRAIN	8000-4726	http://www.samsung.com
EGYPT	08000-726786	http://www.samsung.com
JORDAN	800-22273	http://www.samsung.com
MOROCCO	080 100 2255	http://www.samsung.com
SAUDI ARABIA	9200-21230	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

AFRICA		
NIGERIA	0800 - SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com